

1. VỊ GIẢI THOÁT

Không gì nghi ngờ rằng tiếng gọi rõ rệt của thời đại của chúng ta là tiếng gọi cho sự tự-do. Có lẽ không có thời đại nào trong lịch sử quá khứ của nhân loại cho bằng thời đại hiện tại tiếng gọi sự tự-do vang rộng và cấp thiết, có lẽ chưa bao giờ tiếng gọi đó thấm sâu vào trong cấu trúc đa chiều của sự hiện hữu của con người như như bây giờ.

Để đáp lại hành trình tìm cầu sự tự-do của con người, đã có những thay đổi sâu rộng được thực hiện trong hầu hết các lĩnh vực của nhân loại—về xã hội, về văn hóa, về tôn giáo. Những đế chế rộng lớn bành trướng trên trái đất như những con quái vật tóm lấy những lục địa đã sụp đổ và tan rã khi những nhân dân bị chúng thống trị đã vùng lên lấy lại đất nước lãnh thổ của họ—nhân danh sự độc lập, tự do, và tự trị.

Những hình thái chính trị cũ như phong kiến hay đầu sỏ độc tài đã nhường bước cho sự dân chủ—chính quyền do dân vì dân—bởi vì mọi người đòi hỏi có được quyền đóng góp tiếng nói vào hướng đi chung của đời sống dân chúng. Những thể chế xã hội lâu đời đã triền miên tồn tại ngay từ trước khi bắt đầu lịch sử nhân loại như—chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ phân chia giai cấp—giờ đã biến mất hoặc đang nhanh chóng biến mất, nhường chỗ cho những câu chuyện về những những phong trào đấu tranh giành tự-do được đăng tải hàng ngày trên các tờ báo chính của chúng ta. (Thời điểm nhà sư TKBD viết bài này là 1976)

Những ngành nghệ thuật cũng thể hiện sự tìm cầu sự tự-do: tự do trong thơ ca, tự do thể hiện trong hội họa và âm nhạc ... Ngay cả tôn giáo cũng không được miễn trừ khỏi những mặt trận của quần chúng đòi có thêm sự tự-do hơn nữa. Những hệ thống tín ngưỡng và quy tắc đức hạnh không còn khả năng biện minh một chiều cho chúng nữa, như trong quá khứ, dựa trên cơ sở là chúng được chỉ đạo bởi Chúa hay trời thần, được thánh hóa bởi kinh thánh hay được quy định bởi cấp cha xứ hay thầy tu trong tôn giáo của họ ... Sự tự-do về ngôn luận, về báo chí, về hành động chính đáng đã trở thành những khẩu hiệu của đời sống công cộng; còn sự tự-do về suy nghĩ và sự tự-do về lương tâm trở thành những khẩu hiệu trong đời sống riêng tư. Cho dù theo hình thức nào mà sự tự-do có được, nó được bảo vệ như một tài sản quý giá nhất, thậm chí quý hơn chính mạng sống. “*Tự do hay là chết*”,

câu nói một nhà yêu nước người Mỹ (Patrick Henry) đã tuyên bố hơn 200 năm trước. Những thế kỷ sau vẫn còn vang vọng lời khẩn cầu của ông.

Và như thế để đáp lại tiếng gọi của nhân loại muốn có được những mặt trận lớn hơn của sự tự-do, Đức Phật đã đưa ra cho thế giới Giáo Pháp của Phật, *Dhamma*, như một con-đường dẫn tới sự tự-do và giải-thoát (về mặt tâm linh), có thể được áp dụng trong thời đại hôm nay giống như nó đã được áp dụng ngay từ lúc nó được tuyên thuyết bởi Phật cách đây hơn 25 thế kỷ.

“Giống như đại dương chỉ có một vị, đó là vị mặn của muối—Cũng giống như vậy trong Giáo Pháp và Giới Luật này (dhammavinaya) chỉ có một vị, đó là vị của sự tự-do giải-thoát.”: bằng những lời này Đức Phật đã bảo đảm cho *tính chất giúp giải-thoát* của học thuyết của mình.

Cho dù lấy một mẫu nước biển từ mặt biển, từ dưới biển hay từ đáy biển, thì vị của *nước biển trong mọi trường hợp đều có vị mặn*. Và lại nữa, dù một người ném chút nước biển hay uống một ly hay uống một vại nước biển, thì vị của nó đều chỉ là vị mặn. Một cách tương tự, Giáo Pháp của Phật cũng chỉ có một vị—vị giải-thoát (*vimuttirasa*)—bao trùm toàn bộ Giáo Pháp và Giới Luật, từ đầu tới cuối, từ bề mặt nhẹ nhàng của nó cho tới những chiều sâu vô lượng vô lượng của nó. Dù lấy một mẫu Giáo Pháp ở trình độ sơ cấp sơ khởi—[như trong sự thực hành sự bố-thí và giới-luật, trong những hành động của sự thành tâm và sự kính đạo, trong hành vi được chi phối bởi sự tôn kính, sự lễ phép, và tâm từ]—hay ở trình độ trung cấp—[như trong trí-biết và sự giải-thoát siêu thế vô nhiễm được chứng ngộ bởi những bậc thánh đã được giải-thoát]—thì vị của *Giáo Pháp trong mọi trường hợp đều có vị giải-thoát*.

(i) Nếu một người thực hành Giáo Pháp ở một mức độ hạn chế, chẳng hạn như vẫn sống đời sống tại gia theo những nguyên tắc chân chánh, thì người đó sẽ được trải nghiệm sự tự-do (giải-thoát) ở một mức độ hạn chế; (ii) nếu một người thực hành Giáo Pháp tới một mức độ nhiều hơn, chẳng hạn như từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, sống trong sự tách-ly lánh trần theo những giới-hạnh của một tu sĩ (sa-môn, Tỳ kheo), quán chiếu sự sinh-diệt của những thứ có điều-kiện (hữu vi), thì người đó sẽ được trải nghiệm sự tự-do một mức độ nhiều hơn lớn hơn; và (iii) nếu một người thực hành Giáo Pháp cho đến kết quả chung cuộc của nó, ngay trong kiếp này chứng ngộ sự giải-thoát cuối cùng, thì người đó trải nghiệm một sự tự-do ở mức độ vô lượng viên mãn.

Ở mọi trình độ của Giáo Pháp vị của chúng đều có một tính chất duy nhất, đó là vị giải-thoát. Giống như vị mặn của nước biển ở nhiều nơi chỉ khác nhau về độ mặn, vị giải-thoát của Giáo Pháp cũng khác nhau về mức độ giải-thoát theo mức độ tu tập của người tu. Thực hành ít Giáo Pháp thì người tu thu được ít sự tự-do; thực hành nhiều Giáo Pháp thì người tu thu được nhiều sự tự-do. Giáo Pháp mang lại sự thưởng công của nó là sự tự-do, luôn luôn với sự chính xác của quy luật khoa học.

Vì Giáo Pháp đề xuất cung cấp một sự tự-do hoàn toàn và hoàn hảo mà bất kỳ thế giới hiện đại nào có thể hình dung ra, cho nên có sự tương đồng giữa khát vọng của con người để mở rộng những chân trời tự do và những khả năng con người có thể chứng ngộ thông qua sự thực hành Giáo Pháp của Phật. Tuy nhiên sự tương đồng này sẽ chấm dứt ngay sau khi những người đương thời lần đầu tiếp xúc với Giáo Pháp, vì họ thường thấy ngay rằng họ đối nghịch với một đặc điểm của Giáo Pháp, đặc điểm đó xung khắc với những kiểu cách suy nghĩ quen thuộc của họ; về mặt lý trí nó như một sự mâu thuẫn làm sốc họ và về mặt cảm xúc nó như một khối đá ngáng chân. Đặc điểm đó là: trong khi Giáo Pháp có mục đích là một con-đường dẫn tới sự tự-do và giải-thoát, là một học giáo được bao trùm bởi ‘vị giải-thoát’, nhưng nó lại đòi hỏi những người tu theo nó phải có một chế độ dường như rất ‘phản tự do’—một chế độ được xây dựng dựa trên giới-luật, sự kiềm-chế, và sự biết tự-chủ. Những người phàm phu đương thời phản đối rằng: “Một mặt chúng ta đi tìm sự tự do giải thoát, nhưng mặt khác chúng ta lại được chỉ dạy rằng để đạt tới sự tự do giải thoát thì những hành-động, lời-nói, và ý-nghĩ của chúng ta phải được kiềm chế và kiểm soát.” Chúng ta phải làm gì với luận thuyết đáng ngạc nhiên này của Phật Pháp được cho là cấp tiến: rằng để đạt được sự tự-do thì sự tự-do phải được hạn chế? Làm sao sự tự-do có thể đạt được rốt ráo bằng phương tiện từ chối hay hạn chế sự tự-do?

Giải pháp cho vấn đề có vẻ nghịch lý này nằm ở chỗ sự phân biệt giữa 02 loại sự tự-do—giữa “*sự tự-do là sự được phép*” và “*sự tự-do là quyền tự-trị về tâm linh*”. Đa phần những người phàm đương thời đều nghĩ “sự tự-do là sự được phép”, tức sự tự-do làm những gì mình thích. Đối với họ sự tự-do có nghĩa là sự được phép theo đuổi những sự thôi thúc, những đam mê, những ý tưởng này nọ của mình, không bị cấm đoán cản trở. Họ tin rằng, để được tự do họ phải có sự tự do làm bất cứ điều gì họ muốn làm, nói điều gì họ muốn nói, và nghĩ điều gì họ muốn nghĩ. Hễ có sự hạn chế nào đặt ra đối với sự được phép của họ thì họ coi đó là sự xâm phạm sự tự do của họ; do vậy và vì vậy cho nên khi đạo Phật đưa ra một chế

độ kêu gọi “*sự kiểm-chế những hành-động, lời-nói, và ý-nghĩ cần phải tuân theo và kiểm soát bản thân*” thì nó đã làm sốc họ, họ nghĩ đó như một dạng sự trói-buộc. Nhưng sự tự-do được nói bởi Phật không giống như loại “sự tự-do là sự được phép” theo nghĩa thông thường mới nói trên. Sự tự-do mà Phật chỉ ra là sự tự-do về mặt tâm linh—nó là một sự tự-chủ bên trong của tâm có được từ sự tiêu diệt những ô-nhiễm, được thể hiện như sự giải-thoát khỏi khuôn kiêu của những hành vi theo thói tâm tập khí do thói thúc hay miễn cưỡng theo bản năng của con người, và nó dẫn đến chung cuộc là sự giải-thoát cuối cùng khỏi vòng luân-hồi sinh tử tử sinh.

Ngược lại với sự được cho phép, sự tự-do về tâm linh không thể đạt được bằng những phương tiện bên ngoài. Nó chỉ có thể đạt được trong nội tâm, thông qua tiến trình tu tập đòi hỏi sự từ bỏ sự đam mê và sự thôi thúc muốn có lợi ích cao hơn nhiều hơn (từ bỏ sở đắc). Quyền tự-trị về mặt tâm linh sẽ phát khởi từ cuộc đấu tranh chính là chiến thắng tốt cùng trên tất cả mọi sự giam cầm và sự tự giới hạn bản thân; nhưng chiến thắng không bao giờ đạt được nếu không tuân thủ theo những yêu cầu của cuộc thi—những yêu cầu đó gồm có sự kiểm-chế, sự kiểm-soát, sự kỷ-luật, và giá trị cuối cùng là sự từ bỏ tham muốn tự đoán tự quyết của bản thân.

Để làm rõ ràng hơn quan niệm về sự tự-do này, chúng ta hãy tiếp cận thông qua tình trạng đối ngược của nó, là trạng thái bị ràng-buộc, và bắt đầu bằng cách xem xét một trường hợp bị giam cầm nghiêm trọng về thân thể. Ví dụ một người bị nhốt trong tù, một phòng giam bằng tường đá và song sắt. Người đó bị trói chặt vào ghế, hai chân bị gông cùm, hai mắt bị bịt kín, miệng bịt nhét kín bởi giẻ rách hay thứ khác. Giả sử một ngày nọ được tháo dây trói, tháo cùm chân, bỏ miếng bịt mắt và bịt miệng. Giờ người đó có sự tự do để đi lại trong phòng tù, duỗi tay chân, nói được và nhìn được. Nhưng, mặc dù lúc đầu người đó thấy mình được tự do, nhưng thực ra trong vài phút chốc người đó nhận ra mình vẫn đang bị ở tù và sự tự do vẫn còn còn xa tít như bầu trời xanh ở bên trên những tường đá và song sắt nhà tù.

Nhưng, tiếp theo, giả sử chúng ta thả người đó ra khỏi tù, đặt anh ta thành một gia chủ giai cấp trung lưu, và khôi phục tất cả mọi quyền lợi mà một công dân tốt của đất nước. Giờ người đó có thể hưởng thụ sự tự do về mặt xã hội và đủ thứ mà người đó đã mất hết khi là một người tù; rồi người đó có thể đi bầu cử, làm việc và đi lại khắp nơi theo ý mình; thậm chí người đó có thể làm quan chức công vụ.

Nhưng trong tình trạng đó là vẫn còn sự không tự do dưới dạng những trách nhiệm của người đó, gánh nặng những bồn phận, những hạn chế của quyền lực địa phương, của sự vui sướng và uy tín—đó là sự khác biệt đau thương giữa cái ‘sự tự do là sự được phép’ mà người đó đã từng khao khát và cái ‘thực trạng không hoàn toàn tự do của hoàn cảnh’ của người đó.

Vậy thì, bước tiếp theo, chúng ta đưa người đó khỏi giai cấp trung lưu và đưa người đó lên ngai vàng thành một đế vương trị vì khắp trái đất, điều này sẽ làm người đó vui sướng tột cùng. Chúng ta đặt người đó vào một cung điện nguy nga tráng lệ, được bao quanh bởi những cung phi mỹ nữ tuyệt đẹp, có vô số kho vàng bạc châu báu, đất đai, được chu cấp đầy đủ mọi thứ khoái-lạc giác quan hạng siêu thường. Tất cả quyền lực, sự hưởng lạc, uy danh, vinh quang, và tài sản. Người đó chỉ cần ho một tiếng là mọi điều người đó muốn đều phải được thi hành. Không còn sự trở ngại nào đối với cái ‘sự tự do là sự được phép’ của mình, vì người đó đâu còn phải xin phép ai hay để ý phép tắc hay hạn chế nào. Nhưng cho dù như vậy, vẫn còn câu hỏi là: liệu người đó có thực sự tự do không? Chúng ta hãy xem xét vấn đề ở mức độ sâu hơn.

Ba loại *cảm-giác* (thọ) đã được chỉ ra bởi Đức Phật: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính (không sướng không khổ). Ba loại cảm-giác này là có mặt trong sự sống của chúng ta, mỗi một khoảng khắc nào đó là một loại cảm-giác có mặt. Lại nữa, ba yếu-tố thuộc tâm đã được Đức Phật chỉ ra là ba sự đối-ứng *chủ quan* của ba loại cảm-giác này và được Phật mô tả là *những khuynh-hướng tiềm ẩn* hay *tùy-miên* (*anusaya*) đã nằm ẩn ngủ bên dưới lớp tiềm-thức của chúng sinh kể từ vô thủy, chúng luôn sẵn sàng trỗi lên thành một trạng thái này nọ khi có sự kích thích đúng mức, và rồi chúng lại lặn xuống lớp tiềm ẩn đó khi sự kích thích phai biến đi. (Ví dụ *tùy-miên* (*tạo ra*) *tham*’ khi gặp phải sự kích thích là hình sắc đẹp đáng thích sẽ trỗi lên thành trạng thái tham của tâm. Khi sự kích thích của sắc đẹp không còn, nó lại ẩn xuống tiềm thức để nằm ngủ chờ chực những kích thích mới). Ba yếu-tố thuộc tâm này là *tham* (*raga*), *sân* (*paṭigha*), và *si* (*avijja*); về tâm lý học là tương đương với những gốc rễ bất thiện là *tham-lam* (*lobha*), *ghét-bực* (*dosa*), và *ngu-mờ* (*moha*).

Khi một người phạm phu [với một cái tâm không được tu tập theo Giáo Pháp của Đức Phật] trải nghiệm một cảm-giác sướng (dễ chịu, đáng thích) thì ‘*tùy-miên* (*tạo ra*) *tham*’ sẽ trỗi lên để đáp lại—một tham-dục muốn có được và thụ hưởng

đối-tượng có vai trò là thứ kích thích cảm-giác sướng đó. Khi một người phạm phu trải nghiệm một cảm-giác khổ (khó chịu, đáng ghét) thì ‘tùy-miên (tạo ra) sân’ sẽ trỗi lên, thành sự sân đối với cái nguyên nhân gây sự khổ đó. Và khi một người phạm phu trải nghiệm một cảm-giác trung tính thì ‘tùy-miên (tạo ra) si’ [có mặt nhưng trơ lặn chứ không hóa thành tham hay sân] khởi lên nổi trội, làm che mờ tâm-thức của người phạm phu trong lớp che mờ của sự ngu ngơ, vô tư, ngu mờ, độn trí.

Trong bất kỳ trường hợp nào 03 tùy-miên tạo ra tham, sân, và si bị kích hoạt bởi những cảm-giác tương ứng từ trạng thái ‘nằm ngủ’ trở thành trạng thái ‘hoạt động’, nếu một người không làm sự nỗ-lực (tinh tấn) để xua tan chúng, không phần-đầu (tinh cần) để kiềm chế, loại bỏ và trừ bỏ chúng và vô hiệu hóa chúng, thì chúng sẽ nằm hoài có hoài trong tâm-thức. Nếu, khi chúng nằm hoài có hoài trong tâm-thức thì người đó cứ liên tục nhượng bộ chúng, thừa nhận chúng và tiếp tục dính chấp theo chúng, thì chúng sẽ tích lũy động-năng (trớn, đà, độ mạnh), đi đến tăng trưởng, và ví như quả cầu lửa được quăng lên đồng cỏ khô nó bùng cháy ngay từ đầu giống như những xung động nhỏ nhẹ bùng lên thành những sự ám-muội mạnh bạo áp đảo tước đi khả năng tự-chủ của người đó. Rồi thì, ngay cả khi một người mà chúng ta giả định là một đại đế vương của trái đất từ trong nội tâm ông cũng không còn sự làm-chủ của chính mình mà chỉ như ‘kẻ hầu’ làm theo lệnh của chính ‘những ô-nhiễm của tâm’ (tham, sân, si) của mình.

Dưới sự thống trị của tham, người đó bị hấp dẫn lôi kéo theo những thứ sướng; dưới sự thống trị của sân, người đó bị khó chịu kháng cự với những thứ khổ; dưới sự thống trị của si, người đó bị ngu ngơ ngu mờ bởi những thứ trung tính. Người đó bị uốn lên bởi lạc, bị uốn xuống bởi sầu, phần chần bởi sự ‘danh, được, khen’ và chần nản bởi sự ‘nhục, mất, chê’. Ngay cả khi người đó có nhận thức được một đường hành-động có thể chỉ dẫn đến sự nguy-hại mà thôi, nhưng người đó bất lực không thể tránh nó; ngay cả khi người đó biết một đường hành-động khác rõ ràng sẽ dẫn tới ích-lợi cho mình, nhưng người đó vẫn bất lực không thể làm theo đó. Bị cuốn đi trôi giạt bởi dòng chảy của những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được trừ bỏ, người đó bị đẩy đưa từ sự hiện-hữu này tới sự hiện-hữu khác trong khắp đại hải của luân-hồi, với những đợt sóng sinh và tử, với những xoáy lốc của sự thống khổ và tuyệt vọng. Ở bề ngoài người đó có thể là người thống trị của cả thế gian, nhưng trong tòa án lương tâm người đó vẫn chỉ là ‘người tù’. Về vấn đề ‘sự tự do là sự được phép’ thì vị đế vương đó là hoàn toàn tự do, nhưng về vấn đề ‘sự tự do là

quyền tự-trị về tâm linh thì người đó vẫn là một nạn nhân của sự trói-buộc trong hình thức đáng tuyệt vọng nhất của nó: đó là *sự trói-buộc theo sự vận hành của một cái tâm bị ô nhiễm*.

Vì vậy, sự tự-do về tâm linh [đổi ngược với tình trạng bị trói-buộc] phải là sự tự-do khỏi tham, sân, si. Khi tham, sân, si được trừ bỏ trong một người, được cắt bỏ tận gốc để nó không còn ở dạng nằm ngủ ẩn náu (tùy miên), thì người đó tìm thấy cho chính mình một ‘ngai vàng’ của quyền tự-trị, nhờ đó sẽ không còn bị ‘truất ngôi’, đó một vị trí của ‘sự làm-chủ và tự-trị’ từ đó người đó không thể bị lung lay phát phơ (theo những ô-nhiễm). Ngay cả khi người đó chỉ là một Tỳ kheo đi khát thực từ nhà này qua nhà khác, người đó vẫn là một ‘vị vua’; ngay cả khi người đó bị giam tù sau tường đá song sắt, người đó vẫn tự do ở trong tâm. Giờ người đó nắm chủ-quyền đối với cái tâm của mình, và cũng là chủ-quyền đối với khắp thế gian; bởi vì không gì trong thế gian có thể tách người đó khỏi “*sự giải-thoát của tâm*” vốn là tài sản bất khả xâm phạm của người đó. Người đó sống trú trong thế gian giữa muôn sự muôn thứ thế gian nhưng vẫn đứng vững hoàn hảo trên những thăng trầm ô trược của thế gian. Nếu những đối-tượng sướng xảy đến trong tầm nhận-thức của mình, người đó không tham khát có chúng; nếu những đối-tượng khổ xảy đến trong tầm nhận-thức của mình, người đó không sân bực kháng cự với chúng. Người đó nhìn cả hai thứ (sướng và khổ) bằng *sự buông-xả* và chỉ ghi nhận sự lên và xuống, đến và đi, sinh và diệt của chúng. Đối với cả hai thứ sướng và khổ làm thế gian quay cuồng điên đảo, người đó không quan tâm; đối với sự hấp dẫn hay sự khó chịu [thích và ghét, tham và ưu], người đó đã phá bỏ tận gốc. Một nắm vàng hay một nắm đất đối với mắt người đó là như nhau; lời khen và tiếng chửi đối với tai người đó chỉ là những âm thanh trống không. Người đó an trú trong sự tự -o mà người đó đã đạt được thông qua sự tinh-tấn tu tập dài ngày và có kỷ cương theo Giáo Pháp. Người đó *tự-do khỏi sự khổ*, bởi vì khi những ô-nhiễm đã được bứng gốc thì không còn sự buồn sầu hay ưu tư trong tâm người đó; ở đó chỉ còn niềm chân-phúc hoàn hảo không còn vết nhơ nhiễm của dấu vết nào của dục-vọng.

Người đó *tự-do khỏi sự sợ-hãi*, *tự-do khỏi sự lo-âu* mà ngay cả đế vương cũng biết và nếm trải khi ông ngồi đang trong cung điện được bảo vệ bởi lính gác trong ngoài. Và người đó *tự-do khỏi sự bệnh*, khỏi căn bệnh của những đam mê luôn làm phiền bực và sốt não, nó vốn trói buộc cái tâm bằng những nút thắt; người đó *tự-do khỏi căn bệnh của vòng luân-hồi đầy những ô-nhiễm, nghiệp, và nghiệp quả*.

Người đó trải qua ngày tháng trong sự bình-an, bao trùm thế giới bằng một cái tâm bi-mẫn vô biên, thụ hưởng niềm chân-phúc của sự giải-thoát, hoặc chỉ dạy cho những người đồng đạo về con-đường mà mình đã đi và đạt tới mục-tiêu, trong sự tĩnh lặng người đó tự mình có *sự-biết* rằng đường sinh tử từ vô thủy đã được đưa đến kết thúc, rằng người đó đã đạt tới đỉnh-cao của sự thánh thiện và dẫn đến sự chấm-dứt tất cả mọi sự trở-thành (không còn hữu, không còn sinh) này nọ trong tương lai.

Nói một cách trọn vẹn, sự tự-do mà Phật đã chỉ ra là mục-tiêu của Đạo Giáo của mình đã được thụ hưởng bởi Phật (và những đệ tử A-la-hán) là người đã làm nên ‘sự chứng-ngộ mục-tiêu’ là trải nghiệm sống của chính mình. Giống như muối cho vị mặn để nêm thắm những thức ăn, *vị giải-thoát* thắm đẫm toàn bộ phạm vi của Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Phật, khắp từ “phần đầu, phần giữa, và phần cuối” của nó. Mức độ tu tiến theo Giáo Pháp của chúng ta tới đâu, vị giải-thoát sẽ được thụ hưởng tương ứng theo mức đó. (Càng tu đúng, tu nhiều, chứng ngộ nhiều, thì mức độ sự giải-thoát càng cao). Tuy nhiên, hãy ghi nhớ trong tâm rằng: *sự tự-do đích thực*—là *sự chủ-quyền bên trong của cái tâm*—không thể có được như món quà ân sủng hay ban tặng. Nó chỉ có thể có được bằng *con-đường dẫn tới sự tự-do và giải-thoát*, đó là Bát Thánh Đạo.

(Tạp chí Lá Bô-Đề số 71; ấn bản đầu 1976)